

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HS-ST

Ngày: 10/7/2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

2. Bà Trần Thị Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2024/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Bùi Sỹ P**, sinh ngày 30/12/2004, tại Thái Bình;

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: số nhà A, đường L, tổ B, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con Bùi Sỹ T và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/01/2024 đến ngày 31/01/2024 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Đoàn Duy T1**, sinh ngày: 15/7/2005 tại tỉnh Thái Bình;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: số nhà B, ngõ A, đường H, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Giới tính: Nam; Con ông Đoàn Duy T2 (đã chết) và mẹ Nguyễn Thị T3; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 118 ngày 08/11/2021 của Công an huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/01/2024 đến ngày 31/01/2024 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị P1, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Trần Quốc T4, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Ngô Tiến Đ, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Phạm Thế H1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Lô C khu tái định cư, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Bùi Thị Á, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

5. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Tổ B, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh T5, anh Đ, anh H1, chị Á, ông K đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 10 phút ngày 24/01/2024 tại khu đô thị C thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp Công an phường Q, thành phố T bắt quả tang Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy". Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Ngô Tiến Đ và anh Trần Quốc T4, P tự nguyện lấy từ túi áo khoác ngoài bên phải đang mặc ra giao nộp cho Công an 02 túi nilon trong suốt có mép cài trong đó: 01 túi viên màu đỏ bên trong có 03 viên nén hình trái tim màu trắng (ký hiệu M1, qua giám định là ma túy loại MDMA có khối lượng 1,1883 gam) và 01 túi chứa chất dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M2, qua giám định là ma túy loại Ketamine có khối

lượng 0,6867 gam) và P khai nhận đây là ma túy kẹo và Ketamine của P mang đi để bán, cơ quan Công an đã niêm phong vật chứng theo quy định. Kiểm tra người Phú thu giữ tại túi quần bên trái, phía trước P đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu trắng đã cũ; kiểm tra người Thuận thu giữ tại túi quần bên trái, phía trước T1 đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen đã cũ, T1 khai toàn bộ số ma túy kẹo và K1 mà P giao nộp là do Phạm Văn T6 (thường gọi là Trường R) đưa cho T1 để T1 giao cho P. Kiểm tra xe máy điện nhãn hiệu Dibao vỏ màu đen đã cũ do P điều khiển không phát hiện gì liên quan đến ma túy. Sau đó tổ công tác đưa P và T1 về trụ sở Công an phường Q, thành phố T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục khác theo quy định.

Ngày 25/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Duy T1, Bùi Sỹ P không phát hiện thu giữ gì, đã quản lý 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu trắng đeo biển kiểm soát 17B9- 075.41 đã cũ.

Bị cáo Bùi Sỹ P khai nhận: P cùng T1 và Phạm Văn T6 (thường gọi là Trường R) có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, không có mâu thuẫn gì, P biết T1 hiện tại ở cùng T6. Facebook của P là "Sỹ Phú", của T6 là "Phạm Trường", của T1 là "Đoàn Thuận". Do không có tiền tiêu nên P đã gọi cho T6 để mua ma túy bán kiếm lời. Khoảng 18 giờ 30 ngày 24/01/2024, P gọi Messenger cho T6 bảo T6 bán cho P 03 viên ma túy kẹo và 01 chỉ Ketamine, T6 đồng ý và báo giá 280.000 đồng một viên kẹo, 1.500.000 đồng một chỉ Ketamine, P đồng ý. Sau đó P gọi M cho T1 để nói chuyện, quá trình nói chuyện P nói T1 bảo T6 chuẩn bị cho P 03 viên ma túy kẹo và 01 chỉ Ketamine khi nào P gọi thì ship cho P. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T1 nhắn tin hỏi P "*chưa lấy à*", P trả lời "*chưa*". Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trường N cho P hỏi "*chưa lấy à*", P trả lời "*em chưa, tí có gì em báo*", T6 nhắn lại "*ok e ok chuyển khoản nhé*", P trả lời "*tỷ nữa a*". Khoảng 05 phút sau, T6 gọi lại cho P, P nói với T6 là ship cho P. Khoảng 21 giờ 45 phút, Phú nhắn cho T1 "*ship đến quán Karaoke*", sau đó điện Messenger cho T1 bảo mang ma túy ra bên xe khách Hoàng H2 cho P, T1 đồng ý. P đứng đợi T1 ở bến xe H, một lúc sau T1 đi xe máy một mình đến, P nhờ T1 chở về nhà trọ tại số A đường L, T1 đồng ý và chở P về đó. Đến nơi T1 giao 02 túi ma túy cho P, P nhận ma túy và cho vào túi áo khoác ngoài bên phải P đang mặc, do chưa có tiền trả T1 nên P rủ T1 đi cùng để bán số ma túy trên. T1 đồng ý và để xe máy ở nhà trọ của P, P điều khiển xe máy điện Dibao màu đen chở T1 đến khu đô thị C thuộc phường Q, thành phố T thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Bị cáo Đoàn Duy T1 khai nhận: T1 làm thuê cho Phạm Văn T6 (thường gọi là Trường R), công việc của T1 là giao ma túy thuê cho T6, T1 được T6 trả công

100.000 đồng mỗi chuyến và được T6 nuôi ăn, cho ở cùng, không có mâu thuẫn gì. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/01/2024, T1 đang ở trên gác xếp phòng trọ thì Bùi Sỹ P gọi điện M1 cho T1, P nói T1 bảo T6 chuẩn bị cho P 01 chỉ Ketamine và 03 viên ma túy kẹo. T1 đi xuống gặp và nói với T6, T6 đồng ý. Sau đó T1 đi lên gác xếp khoảng 30 phút sau T6 gọi T1 xuống, T6 đưa cho T1 01 túi Ketamine và 01 túi chứa 03 viên ma túy kẹo hình trái tim màu trắng, T1 nhận 02 túi ma túy cho vào túi áo khoác ngoài bên phải T1 đang mặc, sau đó T1 ngồi ăn tối cùng vợ chồng T6 tại phòng trọ. Quá trình ngồi ăn, T6 hỏi T1 là "*P chưa lấy à*", T1 hiểu ý của T6 là hỏi P chưa lấy ma túy à, T1 nói "*chưa*". T1 nhắn cho P hỏi "*chưa lấy à*", P nói "*chưa*", T1 còn nhắn cho P "*từ giờ lấy thì chuyển thẳng vào tài khoản của T1, đừng chuyển vào tài khoản của T6*" ý là để T1 lấy luôn 100.000 đồng tiền công. Khoảng 21 giờ 45 cùng ngày, P gọi M bảo T1 mang ma túy ra bến xe H cho P, T1 đồng ý và điều khiển xe máy Wave anpha của T6 đi giao ma túy cho P. P nhờ T1 chở về nhà trọ tại số A đường L, T1 đồng ý và chở P về đó. Đến nơi T1 giao 02 túi ma túy cho P, P nhận ma túy và cho vào túi áo khoác ngoài bên phải P đang mặc rồi P rủ T1 đi cùng để bán số ma túy trên. T1 đồng ý và để xe máy ở nhà trọ của P, P điều khiển xe máy điện Dibao màu đen chở T1 đến khu đô thị C thuộc phường Q, thành phố T thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Bản kết luận giám định số 148/KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật M1 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 1,1883 gam. Mẫu vật M2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,6867 gam. MDMA STT 11 Danh mục IB; Ketamine STT 40 Danh mục III phụ lục kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ (bút lục số 41 đến 42).

Lời khai của người chứng kiến là anh Trần Quốc T4, anh Ngô Tiến Đ, anh Phạm Thế H1, chị Bùi Thị Á và ông Nguyễn Hữu K đều thể hiện như lời khai của các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 115/CT – VKSTPTB ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2024. đề nghị xử phạt bị cáo T1 từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2024. Đề nghị phạt bổ sung

đối với bị cáo P từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, bị cáo T1 từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước. Vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy số ma túy, trong phong bì niêm phong hoàn trả sau giám định. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Redmi màu trắng đã thu của P; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen đã thu của T1; Trả lại chị Bùi Thị P1 01 xe máy điện Dibao màu đen. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến phù hợp với nhau, chứng minh cho hành vi phạm tội của nhau và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 24/01/2024 tại trụ sở Công an phường Q (bút lục số 20 đến 23). Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và kiểm tra (bút lục số 24 đến 29). Biên bản khám xét khẩn cấp (bút lục số 31 đến 32; 36 đến 37). Thủ tục ghi âm, ghi hình (bút lục 115 đến 118). Bản kết luận giám định số 148/KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 22 giờ 10 phút ngày 24/01/2024, tại khu đô thị C thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp Công an phường Q, thành phố T phát hiện, bắt quả tang Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 có hành vi cất giấu 01 túi ma túy, loại MDMA có khối lượng 1,1883 gam và 01 túi ma túy, loại Ketamine có khối lượng 0,6867 gam mục đích để bán kiếm lời. Căn cứ khoản 2

Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều luật Bộ luật Hình sự 2015 thì tổng tỉ lệ phần trăm được tính: $1,1883 \text{ gam}/5 \times 100 + 0,6867 \text{ gam}/20 \times 100 = 23,7\% + 3,4\% = 27,1\%$ (dưới 100%). Do vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự

[3] “Điều 251. Bộ luật Hình sự Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định:
1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.” như vậy cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước ta, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[5] Xét về vai trò nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo đều là người thực hành, bị cáo P có vai trò cao hơn bị cáo T1. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo không chịu rèn luyện cải tạo bản thân mà lại phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau và cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo bán ma túy với mục đích kiếm lời nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Số ma túy thu giữ của Bùi Sỹ P được hoàn trả sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.2] 01 điện thoại Redmi màu trắng đã quản lý của P; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen đã quản lý của T1 là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6.3] 01 xe máy điện Dibao màu đen của chị Bùi Thị P1, chị P1 không biết việc các bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội và xin nhận lại chiếc xe nên trả lại cho chị P1.

[6.4] Đối với xe mô tô Wave anpha màu trắng, đeo biển kiểm soát 17B9-075.41 qua tra cứu của Phạm Văn T6, địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố T, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài sản số 1423 ngày 27/5/2024 để tiếp tục điều tra xác minh theo quy định.

[7] Đối với Phạm Văn T6, sinh ngày 15/7/1992, trú tại xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình số căn cước công dân 034092001851 là người mà P khai gọi điện để mua 01 chỉ Ketamin và 03 viên ma túy kẹo tối ngày 24/01/2024 và T1 khai cũng là người ở cùng T1 và đưa cho T1 01 chỉ Ketamin và 03 viên ma túy kẹo tối ngày 24/01/2024 để giao cho P. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo P và T1 nhận dạng qua ảnh, đã xác minh, triệu tập nhiều lần nhưng T6 không có mặt tại địa phương nên chưa tiến hành ghi được lời khai. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người nhưng chưa có kết quả nên đã ra Quyết định tách hành vi và tài sản liên quan trong vụ án số 1423 ngày 27/5/2024 để tiếp tục điều tra xác minh theo quy định.

[8] Đối với chị Bùi Thị Á, sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương là người yêu của Phạm Văn T6, ở cùng phòng trọ với bị cáo T1 nhưng không biết việc mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Sỹ P và bị cáo Đoàn Duy T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo Đoàn Duy T1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2024.

Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 0,9971 gam ma túy, loại MDMA và 0,6625 gam ma túy, loại Ketamin sau khi lấy mẫu giám định còn lại và toàn bộ bao gói quản lý của Bùi Sỹ P được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 148/KL-KTHS của Phòng K2 Công an tỉnh T.

3.2 Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Redmi màu trắng đã quản lý của Bùi Sỹ P; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen đã quản lý của Đoàn Duy T1;

3.3 Trả lại chị Bùi Thị P1 01 xe máy điện Dibao màu đen.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 12/6/2024).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Sỹ P và Đoàn Duy T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/7/2024. Chị Bùi Thị P1 được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của chị P1 trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

- Luvu.